TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/KT-ST
Ngày: 05-8-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Cẩm Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Mai Thanh Giàu
2/ Ông Phạm Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Võ Hồng Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 42/2024/TLST-KT ngày 22 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính" theo Quyết định hoãn phiên tòa số 5900/2025/QĐST-KT ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 406/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Công ty C1
Địa chỉ: Số C T, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm: 2002 theo Văn bản ủy quyền số 514.2025/GUQ-COL ngày 09/5/2025 (có mặt).

2/ Bị đơn: Công ty TNHH G
Địa chỉ: Số C Quốc lộ A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo pháp luật:
Ông Lê Bình T, sinh năm: 1972 (vắng mặt).
Cư trú: Số G đường A, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh).

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Ông Lê Bình T, sinh năm: 1972 (vắng mặt).
Cư trú: Số G đường A, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án vàtại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:Công ty C1 (Gọi tắt là Côngty C) là tổ chức tín dụng phi ngân hàng có chức năng cho thuê tài chínhtheo quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty TNHH G (Gọi tắt làCông ty M) là khách hàng thuê tài chính của Công ty C1. Do Công ty G có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty C1 tài trợ tài chính nên vào ngày 09/3/2021, hai bên đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B210134802 (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng thuê"). Tài sản mà Công ty G có nhu cầu sử dụng là: 01 máy chà nhám thùng, 01 máy cào cước, 01 dàn máy finger tự động, 01 máy cắt phôi tự động, 01 máy router đứng, 01 máy khoan tự động, 01 máy khoan giàn tự động, 01 máy bào 4 mặt, 01 máy Zipso lưỡi dưới.

Để thực hiện Hợp đồng thuê, ngày 11/3/2021, Công ty C1 đã ký Hợp đồng mua bán số B210134802-PC với Công ty TNHH T2 để mua Tài sản thuê nêu trên. Công ty TNHH T2 đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty C1. Cùng ngày 11/3/2021, Công ty G đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản để nhận bàn giao Tài sản thuê nêu trên.

Tổng giá trị của Tài sản thuê là 907.500.000 đồng. Trong đó, Công ty G trả trước 317.625.000 đồng ("Tiền trả trước"), Công ty C1 tài trợ vốn là 589.875.000 đồng ("Giá trị thuê").

Hằng tháng, Công ty G phải thanh toán cho Công ty C2 thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C1 đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê hai bên đã ký kết.

Trước khi Công ty G trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi thì Công ty C1 vẫn là chủ sở hữu của các tài sản thuê nêu trên và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với tài sản thuê đã cho Công ty G thuê.

Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty G vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán thì Công ty C1 đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công ty G bồi thường thiệt hại (nếu có).

Thời hạn thuê của là 36 tháng, kể từ ngày 16/3/2021. Lãi suất thuê theo Hợp đồng thuê được quy định cụ thể tại Thông báo bắt đầu thuê mà Công ty C1 đã phát hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động thuê tài chính tại Việt Nam.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bên thuê trong Hợp đồng thuê, Công ty C1 có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của ông Lê Bình T

cũng là người đại diện theo pháp luật của Công ty G ký ngày 09/3/2021 về việc bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê nêu trên.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty G thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty C1 đã nhiều lần nhắc nợ, cũng như làm việc trực tiếp với Công ty G để yêu cầu thanh toán nhưng phía Công ty G vẫn chưa thanh toán hết các khoản tiền thuê còn nợ.

Ngày 20/11/2023, Công ty C1 phát hành T1 yêu cầu ông Lê Bình T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khoản nợ cho Công ty G nhưng vẫn không thực hiện.

Ngày 25/06/2024, Công ty C1 đã cấn trừ tiền ký cược bảo đảm với số tiền là 90.750.000 đồng vào nợ gốc cho Công ty G.

Do Công ty G đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê nên vào ngày 02/11/2023, Công ty C1 đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, yêu cầu Công ty G thanh toán tổng số tiền còn thiếu.

Ngày 16/09/2024, Công ty TNHH G có xác nhận số tiền thuê còn nợ tạm tính đến ngày 16/09/2024 là 60.330.309 đồng và đề nghị được thanh toán hàng tháng cho đến khi xong nợ. Tuy nhiên, phía Công ty G đã không thực hiện đúng cam kết và cũng không thanh toán bất kỳ khoản tiền thuê còn nợ cho Công ty C1.

Vì vậy, Công ty C1 khởi kiện vụ án và yêu cầu buộc Công ty G thanh toán cho Công ty C1 số tiền thuê còn nợ tạm tính đến ngày 05/8/2025 là 65.016.860 đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc là 30.333.338 đồng; Nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 06/11/2023 là 17.209.124 đồng; Nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 07/11/2023 đến 05/8/2025 là 17.474.398 đồng. Buộc Công ty G tiếp tục thanh toán tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 06/8/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê.

Trường hợp thanh toán không đầy đủ số nợ nêu trên, buộc Công ty G giao trả Tài sản thuê để Công ty C1 xử lý, thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê không đủ để thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ hoặc Công ty G không giao trả Tài sản thuê, buộc ông Lê Bình T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo nội dung Thư bảo lãnh cá nhân đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Bị đơn Công ty G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Bình T đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, và tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Xuân H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt và có ý kiến giữ nguyên yêu cầu buộc Công ty G thanh toán cho Công ty C1 số tiền thuê còn nợ tạm tính đến ngày 05/8/2025 là 65.016.860 đồng. Buộc

Công ty G tiếp tục thanh toán tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 06/8/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê. Trường hợp thanh toán không đầy đủ số nợ nêu trên, buộc Công ty G giao trả Tài sản thuê để Công ty C1 xử lý, thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê không đủ để thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ hoặc Công ty G không giao trả Tài sản thuê, buộc ông Lê Bình T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo nội dung Thư bảo lãnh cá nhân đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Công ty TNHH G và ông Lê Bình T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Nguyên đơn có mặt và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn là có cơ sở.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định Công ty G còn nợ các khoản tiền thuê tài chính theo Hợp đồng thuê tài chính đã ký kết với Công ty C1 nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty C1 khởi kiện tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính được ký kết giữa hai công ty là pháp nhân, đều có đăng ký kinh doanh và Công ty G có địa chỉ tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Quá trình giải quyếtToà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, bị đơn và người có quyền lợinghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên toà mà không có lý do chính đáng. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện:

Xét Hợp đồng cho thuê tài chính số B210134802 ngày 09/03/2021. Hội đồng xét xử nhận thấy: Công ty C1 và Công ty G đều có tư cách pháp nhân, tham gia giao kết, xác lập hợp đồng để thực hiện hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký, Hợp đồng được lập thành văn bản, các bên đã ký tên, đóng dấu nên xác định hợp đồng đảm bảo hợp pháp về chủ thể, đúng quy định của pháp luật về hình thức. Các thoả thuận theo các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; Hợp đồng được xác lập tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc nên nội dung hợp đồng là hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người cho thuê tài chính nhưng Công ty G đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán tiền thuê đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty C1 nên Công ty C1 thông báo chấm dứt hợp đồng và khởi kiện vụ án là có cơ sở.

Về yêu cầu trả tiền nợ gốc và nợ lãi: Hội đồng xét xử xét thấy: Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền thuê, đã phát sinh khoản nợ với Công ty C1 trong thời gian dài nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả là có căn cứ cần được chấp nhận. Tiền lãi trong hạn nguyên đơn yêu cầu tại thời điểm ký hợp đồng là 12,01%/năm (Có điều chỉnh), lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn được tính trên số tiền gốc chưa trả, lãi chậm trả là 10%/năm theo đúng thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng thuêvà phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Việc cấn trừ số tiền ký cược bảo đảm của Công ty G tại Công ty C1 theo Hợp đồng cho thuê là phù hợp.

Do đó, Công ty C1 yêu cầu Công ty G trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 05/8/2025 là 65.016.860 đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc là 30.333.338 đồng; Nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 06/11/2023 là 17.209.124 đồng; Nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 07/11/2023 đến 05/8/2025 là 17.474.398 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Buộc Công ty G tiếp tục thanh toán tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 06/8/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê đã ký kết.

Về yêu cầu xử lý tài sản thuê: Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn không cung cấp tình trạng tài sản thuê. Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thuê theo yêu cầu của nguyên đơn tại địa điểm hai bên ký kết Biên bản bàn giao tài sản thuê ngày 16/3/2021 nhưng không xác định hiện trạng cũng như tình trạng tài sản thuê do bị đơn đã di chuyển tài sản thuê khỏi vị trí bàn giao mà không có thông báo gì cho bên nguyên đơn. Theo Hợp đồng thì Công ty C1 vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trêntoàn bộ các giấy tờ pháp lý liên quan đến quyền sở hữu, bảo hiểm, v.v...đối với tài sản thuê.

Do đó, Công ty C1 quyền yêu cầu công ty G giao trả lại tài sản thuê để Công ty C1 thu hồi, xử lý tài sản thuê nếu đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà công ty G không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, nếu Công ty G không trả được nợ thì Công ty C1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản thuê để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận.

Đồng thời, theo Hợp đồng thuê, các bên có thỏa thuận nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản thuê không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty G vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Công ty C1. Đây là thỏa thuận tự nguyện của các bên, không trái với các quy định của pháp luật. Do đó, trong trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản thuê không đủ thanh toán hết khoản nợ gốc, lãi phát sinh ở trên thì Công ty G vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Công ty C1.

Về nghĩa vụ của bên bảo lãnh: Nhằm đảm bảo thu hồi nợ, ông Lê Bình T có ký Thư bảo lãnh cá nhân ngày 09/03/2021 cho Công ty C1 để trả nợ thay cho Công ty G trong trường hợp Công ty G không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo Hợp đồng thuê. Đây là sự tự nguyện của ông T phù hợp với Hợp đồng thuê. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Lê Bình T có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty G là có căn cứ và được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5% x 65.016.860 đồng = 3.250.843 đồng.

Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền đã nộp là 10.000.000 đồng theo Thông báo số 42/2025/TB-TA ngày 09/01/2025 Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Các Điều 274, 275, 329, 335, 342, 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng;

- Luật kinh doanh thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ banThường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sửdụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cho thuê tài chínhTNHH MTV Quốc tế C1 đối với Công ty TNHH G về việcTranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

Buộc Công ty TNHH G phải trả cho Công ty C1 tổng số tiền tính đến ngày 05/8/2025 theoHợp đồng cho thuê tài chính số B210134802 ngày 09/3/2021 là: 65.016.860 đồng (Sáu mươi lăm triệu không trăm mười sáu ngàn tám trăm sáu mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc là 30.333.338 đồng (Ba mươi triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi tám đồng); Nợ lãi là 17.209.124 đồng (Mười bảy triệu hai trăm lẻ chín ngàn một trăm hai mươi bốn đồng); Nợ lãi chậm thanh toán là 17.474.398 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn ba trăm chín mươi tám đồng).

Kể từ ngày 06/8/2025, Công ty TNHH G còn phải tiếp tuc chịu tiền lãi trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B210134802 ngày 09/3/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp Công ty TNHH G không thực hiện nghĩa vụ thì Công ty C1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thu hồi, xử lý tài sản thuê để thu hồi nợ là: 01 máy chà nhám thùng, 01 máy cào cước, 01 dàn máy finger tự động, 01 máy cắt phôi tự động, 01 máy router đứng, 01 máy khoan tự động, 01 máy khoan giàn tự động, 01 máy bào 4 mặt, 01 máy Zipso lưỡi dưới theo Biên bản bàn giao ngày 16/3/2021.

Trong trường hợp Công ty TNHH G không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, sau đó không bàn giao và hoàn trả tài sản thuê để thu hồi nợ hoặc số tiền thu được từ xử lý tài sản thuê không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ôngLê Bình Thắng có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH G tương ứng với số dư nợ thực tế tại thời điểm trả nợ theo Thư bảo lãnh cá nhân ngày 09/3/2021.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Công ty TNHH G phải nộp là 3.250.843 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn tám trăm bốn mươi ba đồng) tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- H1 lại cho Công ty C1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.734.090 đồng (Ba triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn không trăm chín mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000635 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân dân sự Thành phố H).

- Công ty TNHH G có nghĩa vụ hoàn lại cho Công ty C1 tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 2;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Cẩm Hiền